

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐTTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/10/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+RP3+RP2	7:25	18+0+1	0+0+0		16+5+1	0+0+0	
2		TD2+CLO+GTCL	7:25	8+2+0	0+0+0		11+7+4	0+0+0	
3		SAVR+TD1	9:25	20+0	0+0		16+5	0+0	
4		BK14+CTK3+PPD	11:25	1+9+7	0+0+0		0+11+11	0+0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ 1 người gicl ve đi bk14



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:SAVR- RP3 - RP2	CREW: XHOÀN - N.CƯỜNG - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3825	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN HÙNG	SAVR	18	1	10			72	PVDWS	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC HUY	SAVR	11	1	7			73	PVDWS	Vietnamese
3	LÊ TRỌNG NGHĨA	SAVR	09-10	2	10			81	PVDWS	Vietnamese
4	NGÔ XUÂN ĐIỆN	SAVR	07	1	10			71	PVDWS	Vietnamese
5	CAO VĂN THĂNG	SAVR	08	1	12			70	PVDWS	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG QUY	SAVR	14-15	2	14			64	PVDWS	Vietnamese
7	EREMEEV EVGENIY NIKOLAEVICH	SAVR	26	1	13			98	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN MẠNH HOAN	SAVR	03	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN CHIẾN THĂNG	SAVR	19-20	2	12	3	81	62	ANTOAN	Vietnamese
10	PANKOV SERGEY	SAVR	04	1	9			82	AMNGR	Russian
11	SHEIANKIN DMITRII	SAVR	16	1	8			86	AMNGR	Russian
12	ZHENODAROV SERGEY	SAVR	17	1	8			126	AMNGR	Russian
13	GORIUNOV DENIS	SAVR	01-02	2	20			90	AMNGR	Russian
14	VALIEV ILDAR	SAVR	12-13	2	13			71	AMNGR	Russian
15	BASHKIN ALEKSANDR	SAVR	21	1	4			93	AMNGR	Russian
16	VTEKHIN IVAN	SAVR	22-23	2	15			76	AMNGR	Russian
17	SUIAZOV EVGENII	SAVR	05-06	2	13			84	AMNGR	Russian
18	ZINGIREEV ALEKSANDR	SAVR	24-25	2	17			101	AMNGR	Russian
19	ĐOÀN ĐÌNH DỤNG	RP2	30	1	13	2	31	63	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	18	1.460	26	202	3	81	16		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	5		
3	RP2	1	63	1	13	2	31	1		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.523</b>	<b>27</b>	<b>215</b>	<b>5</b>	<b>112</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.523</b>		<b>215</b>		<b>112</b>			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
PHAN NHƯ CƯỜNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:TD2 - CLO - GTC1	CREW: HUNG - SON - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3828	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ZHDANOV VLADIMIR	TD2	45	1	17			135	KHOAN	Russian
2	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	TD2	77	1	15	4	99	69	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY BẠI	TD2	80	1	17			85	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN HOÀN	TD2	17-18	2	10			57	CODIEN	Vietnamese
5	PHAN MẠNH HÙNG	TD2	15-16	2	11			68	CODIEN	Vietnamese
6	QUÁCH SỸ TỶ	TD2	19	1	13			58	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN PHẠM DUY KHANG	TD2	78-79	2	10			80	CODIEN	Vietnamese
8	NGÔ TRI HOÀNG	TD2	52-53	2	17			66	DVL	Vietnamese
9	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	TD2	74	1	5			77	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TÂN	TD2	54-55	2	13			66	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ THANH LẠC	TD2	50-51	2	14			56	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN DANH HẠNH	TD2	81-82	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN TỈNH	TD2	48-49	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN KHẮC THẠCH	TD2	72-73	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI MẠNH HÀ	TD2	46-47	2	18			86	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ XUÂN TIẾN	TD2	56-57	2	18			59	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐÀO ĐỨC TRƯỞNG	TD2	76	1	9	1	14	59	XAYLAP	Vietnamese
18	HÀ KHƯƠNG DUY	CLO	67-68	2	19			65	KHOAN	Vietnamese
19	QUÁCH THANH ĐỘ	CLO	62-63	2	15			65	DK9	Vietnamese
20	VŨ HỮU KÊ	CLO	64-66	3	20			80	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	17	1.209	28	239	5	113	11		
2	CLO	3	210	7	54	0	0	7		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	1.419	35	293	5	113	22		
WEIGHT KG			1.419		293		113			

GRAND TOTAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: BK14 - CTK3 - PPD	CREW: XOÀN - TTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/3827	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN BA DIEN	BK14	95-96	2	21	3	44	79	XAYLAP	Vietnamese
2	LE THANH TUAN	CTK3	01	1	17			82	ANTOAN	Vietnamese
3	TRAN THƯƠNG	CTK3	06-07	2	18			60	NAM TIEN	Vietnamese
4	ĐO KHỎ LẠI	CTK3	10-11	2	14	4	80	85	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	CTK3	04-05	2	21			70	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VAN NGOC	CTK3	31	1	11	1	14	53	XAYLAP	Vietnamese
7	VU QUANG DUONG	CTK3	02-03	2	21			65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DINH CUONG	CTK3	08-09	2	11			74	PSV	Vietnamese
9	ĐO ĐẶNG THANH	CTK3	12	1	5			68	PSV	Vietnamese
10	PHẠM HUU TUNG	CTK3	08	1	8			97	SAN BAY	Vietnamese
11	PHẠM MINH VU	PPD	72	1	15	3	60	77	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN MINH NGOC	PPD	68	1	10	1	15	88	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM ĐĂNG ĐẠI	PPD	70	1	11	1	11	83	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	1	79	2	21	3	44	0		
2	CTK3	9	654	14	126	5	94	11		+INB VE GHE PHU
3	PPD	3	248	3	36	5	86	11		
<b>TOTAL</b>		<b>13</b>	<b>981</b>	<b>19</b>	<b>183</b>	<b>13</b>	<b>224</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>981</b>		<b>183</b>		<b>224</b>			

GRAND TOAL: 1.388 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN   
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:SAVR- TD1	CREW: XHOÀN - N.CƯƠNG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/3826	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	SIVACHUK DMITRII	SAVR	51	1	16			111	AMNGR	Russian
2	NGUYỄN HỮU KHOA	SAVR	42	1	6			50	MINHMINH	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DUNG	SAVR	41	1	8			69	MINHMINH	Vietnamese
4	NGUYEN DUY KHIEM	SAVR	29	1	10			73	D-HANH	Vietnamese
5	HOANG VINH PHU	SAVR	35	1	6			75	ANTOAN	Vietnamese
6	LE MANH THANG	SAVR	54-55	2	10	1	28	68	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TAN PHONG	SAVR	30-31	2	12			70	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC VIET	SAVR	53	1	9			61	PSV	Vietnamese
9	VU THANH QUOC	SAVR	38	1	11			68	BAKER HUC	Vietnamese
10	HOANG DUY KHANH	SAVR	36-37	2	13			68	BAKER HUC	Vietnamese
11	VÔ TÂN HOA	SAVR	43-44	2	20			73	SCHLUMBE	Vietnamese
12	LE QUOC DUY	SAVR	39-40	2	15			79	SCHLUMBE	Vietnamese
13	OSIPOV ALEKSEI	SAVR	33,45	2	15			89	AMNGR	Russian
14	KHUSAINOV RUSTAM	SAVR	50	1	7			90	AMNGR	Russian
15	POMOZOV ALEKSANDR	SAVR	49	1	4			69	AMNGR	Russian
16	OSMAKOV ALEKSANDR	SAVR	52	1	15			126	AMNGR	Russian
17	AKULOV VLADIMIR	SAVR	47-48	2	13			83	AMNGR	Russian
18	KOROTKOV ANDREI	SAVR	32	1	5			121	AMNGR	Russian
19	VINNIKOV SERGEI	SAVR	46	1	9			104	AMNGR	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	19	1.547	26	204	1	28	16		
2	TD1	0	0	0	0	0	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.547</b>	<b>26</b>	<b>204</b>	<b>1</b>	<b>28</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.547</b>		<b>204</b>		<b>28</b>			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
PHAN NHƯ CƯƠNG



LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/10/2025

87  
65  
125  
95  
85

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+TD1+P9	7:25	0+4+15	0+0+0		2+0+18	0+0+0	chuyen 2 P8- P9
2		P6+P9+TD2+RC6	9:25	3+9+3+2	0+0+0		2+5+13+0	0+0+0	
3		RP3+RP1+TD3	11:25	13+6+1	0+0+0		1+0+14	0+0+0	

457

TPBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P8 - TD1 - P9	CREW: VTHẮNG - CHIẾN - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3837	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DUTKO VASILII	TD1	65-66	2	19			93	ĐẠI LAM-T	Russian
2	MAZIN EVGENII	TD1	61-62	2	19			64	ĐẠI LAM-T	Russian
3	MALYSHKIN NIKITA	TD1	67-68	2	19			83	ĐẠI LAM-T	Russian
4	SHARIPOV RISHAT	TD1	63-64	2	19			72	ĐẠI LAM-T	Russian
5	NGUYỄN NGỌC LÊ	P9	87	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGOC QUANG	P9	81	1	10			66	KHOAN	Vietnamese
7	CHANATEP LUKSANAPRIM	P9	84-86	3	19			72	BAKER HUU	Thailand
8	SAKORN ROMPOYEN	P9	82-83	2	19			67	BAKER HUU	Thailand
9	MAI THANH SƠN	P9	88-89	2	14			61	THIÊN NAM	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN LINH	P9	09-10	2	8			76	THIÊN NAM	Vietnamese
11	VÔ HUY TRỌNG	P9	94-95	2	6			67	THIÊN NAM	Vietnamese
12	PHAN VĂN HÙNG	P9	96-97	2	16			63	THIÊN NAM	Vietnamese
13	NGÔ VĂN THỰC	P9	90-91	2	16			72	THIÊN NAM	Vietnamese
14	LAKAS ABDELMADJID	P9	02-03	2	14			75	THIÊN NAM	Algeria
15	HICHAM KHOULED	P9	04-05	2	16			81	THIÊN NAM	Algeria
16	TRẦN ĐẠI LỊCH	P9	92-93	2	19			73	THIÊN NAM	Vietnamese
17	VŨ PHÚC LINH	P9	98-99	2	6			64	THIÊN NAM	Vietnamese
18	VÔ THANH NHƠN	P9	07-08	2	9			62	THIÊN NAM	Vietnamese
19	LÊ VĂN HAO	P9	06	1	8			77	THIÊN NAM	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	0	0	0	0	1	7	2 + 9	CHUYỂN 01 PAX TỪ P8 SANG P9	
2	TD1	4	312	8	76	0	0	1		
3	P9	15	1.046	28	187	0	0	18		
TOTAL		19	1.358	36	263	1	7	21		
WEIGHT KG			1.358		263		7			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
ĐỖ VĂN CHIẾN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P6 - P9 - TD2 - RC6	CREW: VTHẮNG - CHIẾN - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3838	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DƯƠNG CHI TUYẾN	P6	69	1	5	3	42	68	KH-THAC	Vietnamese
2	VĂN MINH TÂN	P6	24	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRUNG TUẤN	P6	25-26	2	17			73	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO VĂN TÂN	P9	27-28	2	9			70	THIÊN NAM	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH MẠNH	P9	31	1	3			60	THIÊN NAM	Vietnamese
6	TRẦN HỒNG THAI	P9	25-26	2	14			74	THIÊN NAM	Vietnamese
7	VŨ NGỌC ĐIẾP	P9	35	1	4			73	THIÊN NAM	Vietnamese
8	PHẠM HOÀNG ĐẠT	P9	23-24	2	7			85	THIÊN NAM	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HAI	P9	29-30	2	10			50	THIÊN NAM	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	P9	34	1	16			90	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN BÌNH	P9	33	1	17			61	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LOAN	P9	32	1	5			47	PSV	Vietnamese
13	PHAN VĂN HÙNG	TD2	05	1	9	1	14	61	XAYLAP	Vietnamese
14	CÚ CHI CÔNG	TD2	07	1	6	2	20	67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGHIÊM TRINH NHẬT	TD2	36	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN HONG QUYET	RC6	76	1	6	4	75	58	CODIEN	Vietnamese
17	LAM NHUT MINH	RC6	75	1	11	2	29	66	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P6	3	204	4	31	3	42	2		
2	P9	9	610	13	85	0	0	5		
3	TD2	3	193	3	25	3	34	13		
4	RC6	2	124	2	17	6	104	0		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.131</b>	<b>22</b>	<b>158</b>	<b>12</b>	<b>180</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.131</b>		<b>158</b>		<b>180</b>			

GRAND TOAL: 1.469 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

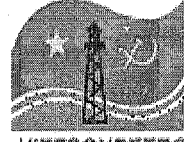
HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
ĐỖ VĂN CHIẾN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:RP3 - RP1 - TD3	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/3839	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN XÙNG	RP3	02-03	2	15			63	KHI	Vietnamese
2	PHAN LÊ VINH	RP3	05	1	8			96	KHI	Vietnamese
3	THAI DOÀN VIỆT	RP3	04	1	9	2	40	70	KHI	Vietnamese
4	MAI VĂN TUYẾN	RP3	06	1	10	2	33	62	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	RP3	13	1	9	1	13	64	KHI	Vietnamese
6	TRẦN PHƯƠNG NAM	RP3	11-12	2	19	5	26	108	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN BA HÙNG	RP3	18	1	7			73	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH NGỌC	RP3	16-17	2	12			72	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH B	RP3	07-10	4	19			86	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG HÀ	RP3	15	1	6			64	KHI	Vietnamese
11	PHẠM VĂN QUÂN	RP3	14	1	6			76	KHI	Vietnamese
12	HÀ QUANG TRUNG	RP3	01	1	12			53	KH-THAC	Vietnamese
13	GORDON VIKTOR	RP1	38-39	2	13			87	XAYLAP	Russian
14	NGUYỄN HOÀ	RP1	36-37	2	17	1	10	59	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẠO MINH TIẾN	RP1	40	1	17			69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC THO	RP1	68-69	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ TRUNG HIỆU	RP1	41-42	2	12			79	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẦN ĐO CHÂU TUẤN	RP1	75	1	17			100	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD3	45	1	12	1	20	83	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	12	887	18	132	10	112	1		
2	RP1	6	459	10	95	1	10	0		
3	TD3	1	83	1	12	1	20	14		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.429</b>	<b>29</b>	<b>239</b>	<b>12</b>	<b>142</b>	<b>15</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.429</b>		<b>239</b>		<b>142</b>			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
NGUYỄN MINH ĐỨC